TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188a/2025/DS-ST
Ngày: 27/9/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8-VĨNH LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hoäi thaåm nhaân daân:

1. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

2. Đào Thị Tuyết Mai.

- Thö kyù tòa aùn ghi bieân baûn phieân tòa: Võ Thành T – Thư ký Toøa aùn nhaân daân khu vực 8-Vĩnh Long

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8-Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** **Bà Nguyễn Thị Thảo Loan** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân ***khu vực 8-Vĩnh Long*** xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 402/2024/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 130/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Phạm Ngọc D**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu phố 3, xã BĐ, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Chí T, sinh năm 1981, địa chỉ chỉ: Ấp Phước Thạnh, xã TP, tỉnh Vĩnh Long.

Ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 18 tháng 8 năm 2025.

* Bị đơn: **1/ Triệu Hữu N**, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

2/ Trần Thị Ngọc C, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp TH, xã TT, tỉnh Vĩnh Long)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2024, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Chí T trình bày:

Trong năm 2022, năm 2023, giữa bà Phạm Ngọc D với ông Triệu Hữu N có thực hiện hợp đồng vay tài sản, ông Triệu Hữu N vay của bà Phạm Ngọc D số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng). Cụ thể ngày 09/8/2022 mượn 50.000.000 đông (Năm mươi triệu đồng), lãi luất là 0%/tháng, hai bên thỏa thuận, ông N sẽ bỏ công đi tàu cá của bà D đến hết năm 2023 sẽ trừ vào số tiền đã vay. Ty nhiên, sau đó ông N không thực hiện theo sự thỏa thuận, ông N không đi tàu cá của bà D theo sự thỏa thuận của hai bên, sau đó bên ông N chỉ trả ch bà D 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), số tiền còn lại ông N không trả. Bên bà Phạm Ngọc D nhiều lần liên hệ bị đơn Triệu Hữu N để yêu cầu trả số tiền 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) còn lại nhưng ông N né tránh không thực hiện N vụ trả nợ.

Ông Trần Chí T yêu cầu Tòa án xét xử buộc ông Triệu Hữu N và bà Trần Thị Ngọc C phải có N vụ liên đới hoàn trả cho bà Phạm Ngọc D số tiền vay còn thiếu là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng), đồng thời yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 28/5/2024, lãi suất 0,83%/tháng, với thời gian tính lãi là 15 tháng 29 ngày, số tiền lãi được tính như sau:

(90.000.000 đồng X 0,83%/tháng) X 15 tháng và 29 ngày = 11.927.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vốn và lãi là: 101.927.000 đồng (Một trăm le một triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

(Tài liệu, chứng cứ chứng minh bên nguyên đơn giao nộp bao gồm: Biên bản thỏa thuận ngày 14/5/2025; Giấy nợ ngày 18/01/2023)

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn Triệu Hữu N từ chối tham gia tố tụng, bất hợp tác với Tòa án, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến, lời khai gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc D.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/6/2025, người có quyền và N vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc C trình bày:

Bà Trần Thị Ngọc C và ông Triệu Hữu N là vợ chồng. Trước đây chồng tôi là ông Triệu Hữu N có đi ghe cho nhà bà D, khoảng cách đây 2 – 3 năm thì anh N có ứng tiền ghe bà D là 40.000.000 đồng. Sau đó ứng thêm 2 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, khi ghe vào chia số đã trừ 10.000.000 đồng. Sau có ứng thêm 70.000.000 đồng, lần ứng tiền này thì anh N có đem số đó đưa bà D giữ để làm tin. Sau anh N có mượn thêm 10.000.000 đồng. Tổng số tiền còn nợ là 120.000.000 đồng. Sau đó, bên bị đơn có trả cho nguyên đơn số tiền 10.000.000

đồng (Mười triệu đồng) tại công an xã Bình Thắng, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre (Nay là công an xã BĐ, tỉnh Vĩnh Long). Do đó, bà C và ông N chỉ còn nợ 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng), đồng thời yêu cầu trả dần mỗi chuyến đi ghe vô trả 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Hiện tại, gia đình bị đơn đang khó khăn về kinh tế nên yêu cầu nguyên đơn không tính tiền lãi.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và N vụ đúng theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn Triệu Hữu N và người có quyền lợi, N vụ liên quan Trần Thị Ngọc C không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc D về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Triệu Hữu N, bà Trần Thị Ngọc C.

Buộc ông Triệu Hữu N và bà Trần Thị Ngọc C phải trả có N vụ liên đới trả cho bà Phạm Ngọc D số tiền vay là 101.927.000 đồng (Một trăm le một triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng), trong đó tiền vốn là 90.000.000 đồng, tiền lãi là 11.927.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Trần Chí T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn Triệu Hữu N và người có quyền lợi, N vụ liên quan bà Trần Thị Ngọc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó xét xử vắng mặt ông Triệu, bà C là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội D vụ án:

Trong năm 2022 và năm 2023, ông Triệu Hữu N có vay của bà Phạm Ngọc D số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), lãi luất là 0%/tháng, hai bên thỏa thuận, ông N sẽ bỏ công đi tàu cá của bà D đến hết năm 2023 sẽ trừ

vào số tiền đã vay. Tuy nhiên, sau đó ông N không thực hiện theo thỏa thuận, không đi tàu cá của bà Phạm Ngọc D, cũng không thực hiện N vụ trả nợ cho bên nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn Triệu Hữu N đã thực hiệ xong quyền nhận tài sản quy định tại Điều 464 Bộ luật dân sự, tuy nhiên không thực hiện N vụ trả nợ cho bên nguyên đơn là vi phạm nghĩ vụ trả nợ quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Trong quá trình tố tụng, bà Trần Thị Ngọc C thừa nhận có vay của bên nguyên đơn 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng), đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, dó đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi ký kết hợp đồng, hai bên không thỏa thuận cụ thể thời gian trả nợ và không thỏa thuận lãi, do đó hợp đồng hai bên ký kết là hợp đồng không xác định thời hạn và không có lãi. Khi đó thời gian thực hiện N vụ trả nợ được tính từ ngày ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, do đó bên nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi từ ngày 28/5/2024 (Ngày mộp đơn khởi kiện) đến ngày 27/9/2025, thời gian tính lãi là 15 tháng 29 ngày, lãi suất: 0,83%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

Số tiền lãi được tính như sau:

(90.000.000 đồng X 0,83%/tháng) X 15 tháng và 29 ngày = 11.927.000 đồng.

Tổng cộng số tiền vốn và lãi là: 101.927.000 đồng (Một trăm le một triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng).

[4] Xét yêu cầu buộc bà Trần Thị Ngọc C phải có N vụ liên đới trả nợ với ông Triệu Hữu N.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông Triệu Hữu N vay tiền của bà Phạm Ngọc D nhằm trang trãi và phát triển kinh tế gia đình, đồng thời ông N với bà Trần Thị Ngọc C có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, hôn nhân giữa ông N với bà C là hợp pháp, do đó bà Trần Thị Ngọc C phải có N vụ liên đới trả nợ với ông N là phù hợp với quy định tại Điều 27, khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Xét yêu cầu trả nợ dần của bên bị đơn.

Trong quá trình tố tụng, bà Trần Thị Ngọc C cho rằng do hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên yêu cầu trả dần mỗi chuyến đi ghe vô trả 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được chấp nhận, đây là cách thực hiện việc trả nợ, các bên được quyền thỏa thuận trong giai đoạn thi hành án.

[6] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật, cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc D được chấp nhận toàn bộ, do đó ông Triệu Hữu N và bà Trần Thị Ngọc C phải có N vụ liên đới Cu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 92, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 463,464, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Ngọc D đối với ông Triệu Hữu N, bà Trần Thị Ngọc C về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Triệu Hữu N và Trần Thị Ngọc C phải có N vụ liên đới hoàn trả cho bà Phạm Ngọc D số tiền vay còn thiếu là 101.927.000 đồng (Một trăm lẻ một triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn đồng). Trong đó, tiền vốn là 90.000.000 đồng, tiền lãi là 11.927.000 đồng.

Kể từ ngày bản án (quyết định) có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải Cu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Ông Triệu Hữu N và Trần Thị Ngọc C phải có N vụ liên đới Cu số tiền án phí là 5.096.000 đồng (Năm triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Hoàn lại cho bà Phạm Ngọc D số tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp là 3.323.700 đồng (Ba triệu ba trăm hai mươi ba nghìn bảy trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004118 ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BĐ, tỉnh Bến Tre (Nay là Phòng Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự Phạm Ngọc D, Triệu Hữu N và Trần Thị Ngọc C vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Vĩnh Long (Phòng GĐKT,TT& THA);
- VKSND khu vực 8-Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- UBND xã TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi